

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-9-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Hữu Dực

2. Bà Phạm Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tiến— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị P**, sinh năm 1988

Trú tại: Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh **Phạm Bá N**, sinh năm 1985

Trú tại: Bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2020; Bản tự khai ngày 23/4/2020; bản ý kiến ngày 29/6/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn Lương Thị Phán trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá N đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, tuy nhiên đến cuối năm 2012 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và nuôi dạy con cái. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ đó, chị đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở bản Pao, xã Trung Sơn sinh sống và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Phạm Bá N có 02 con chung, tên các cháu là: Phạm Hùng V, sinh ngày 11/12/2005 và cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 28/5/2007, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực; cháu Phạm Hoài B đang sống cùng với chị, cháu Phạm Hùng V đang ở với bố. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Nhận cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn Phạm Bá N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập anh Nhận để nộp bản tự khai, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với anh N, nhưng anh N đều vắng mặt nên không có lời khai của anh N cũng như các tài liệu Tòa án yêu cầu anh cung cấp trong hồ sơ vụ án.

Tại bản nguyện vọng của các cháu Phạm Hùng V và Phạm Hoài B đều đề ngày 26/02/2020, các cháu trình bày, đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nếu bố mẹ phải ly hôn.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Phạm Bá N từ khi thụ lý vụ án thì anh luôn có mặt tại địa phương, đến giữa tháng 6/2020 lên nương rẫy đi làm, ít về nhà và anh biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị P và anh N chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc,

đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh N có 02 con chung, tên các cháu là: Phạm Hùng V, sinh ngày 11/12/2005 và cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 28/5/2007, các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực; các cháu đều đang ở với mẹ, đồng thời các cháu đều có nguyện muốn được ở với mẹ, chị Phán cũng có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì chị Phán không yêu cầu, vì chị có thu nhập mỗi tháng từ 7 – 8 triệu đồng, nên chấp nhận đề nghị của chị; khi nào các đương sự có yêu cầu thì giải quyết ở một vụ án khác; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị P không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị P.

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị P được ly hôn với anh Phạm Bá Nhạn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Phạm Hùng V, sinh ngày 11/12/2005 và cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 28/5/2007 cho chị Lương Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; Anh Phạm Bá N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh Phạm Bá N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về anh phí: Chị Lương Thị P tự nguyện chịu án phí, nên chị phải nộp 300.000<sup>d</sup> án phí theo quy định.

- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Phạm Bá N đang cư trú và sinh sống tại: Bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên

nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh cho các bên đương sự, cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Phạm Bá Nhận không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Phạm Bá N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Phạm Bá N đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Nhận đều không đến để tham gia phiên hoà giải, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Bá N đã được triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Phạm Bá N.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lương Thị P là Nguyên đơn; anh Phạm Bá N là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, Yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thì anh Phạm Bá N vẫn có mặt tại địa phương, nhưng trốn tránh không tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập; gia đình và chính quyền địa phương cho biết, anh Nhận vẫn đang ở địa phương, anh chưa chuyển khẩu hay thay đổi tạm trú, tạm vắng đi nơi khác, đến giữa tháng 6/2020 anh đã lên nương rẫy của gia đình, cách nhà khoảng 5 km sinh sống, ít về nhà và anh đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng anh vẫn cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án cũng như việc tham gia phiên tòa. Do vậy, Bị đơn đã không chấp hành quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và tại phiên tòa thì: Chị Lương Thị P và anh Phạm Bá N kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 08/12/2006 tại UBND xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến cuối

năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, nên hay xảy ra xích mích và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn tình cảm với nhau, không ai quan đến ai nữa. Việc này đã được chính quyền xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Lương Thị P nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Bá N; đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đề nghị HĐXX cho chị P và anh Nhận được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Phán và anh N đã đến mức trầm trọng, sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lương Thị P được ly hôn anh Phạm Bá N.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị P và anh Phạm Bá N có 02 con chung, tên các cháu là Phạm Hùng V, sinh ngày 11/12/2005 và cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 28/5/2007, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Xét thấy, chị P có nguyện vọng muốn được chăm sóc cả 02 cháu và 02 cháu cũng có bản ghi ý kiến có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đề nghị giao 02 cháu cho mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, hơn nữa chị Phán có thu nhập đều hàng tháng, có thời gian chăm sóc các cháu, nên HĐXX thấy cần giao cả 02 cháu cho chị Lương Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành. Anh Phạm Bá N có quyền đi lại thăm nom con chung, chị P không được ngăn cấm, cản trở. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng, nên chấp nhận đề nghị này. Anh N có quyền yêu cầu đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật. Chị P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết, theo quy định.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lương Thị P không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lương Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị P.**

**1.1. Về Hôn nhân:** Cho Lương Thị P ly hôn với anh Phạm Bá N.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các Phạm Hùng V, sinh ngày 11/12/2005 và cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 28/5/2007 cho chị Lương Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Anh Phạm Bá N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lương Thị P về việc anh N không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, chị Lương Thị P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết, anh Phạm Bá N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi theo quy định.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị P không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Chị Lương Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004288 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Trung Sơn, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Lương Thị P;
- Bị đơn Phạm Bá N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**